

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16/4/2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Ông Bùi Thế Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/202/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991. Có mặt.

Nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Vũ Thạch C, sinh năm 1988. Có mặt

Nơi thường trú: Căn hộ 2402/CT1A chung cư N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M trình bày:

- **Về quan hệ vợ chồng:** Chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Thạch C tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 27/11/2012. Sau khi kết hôn, chị M về nhà anh Vũ Thạch C làm dâu ngay, đến năm 2016, hai vợ chồng đi Hà Nội sinh sống và làm ăn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019-2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lý do chị M và anh C không có tiếng nói chung về nuôi dạy con và phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2022, do mâu thuẫn vợ chồng

trăm trọng nên chị M đã dọn về nhà bố mẹ đẻ tại xã H (nay là xã T), huyện H, tỉnh Bắc Giang để sinh sống sau đó anh C cũng chuyển về sinh sống cùng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gia đình hai bên sau đó có hòa giải tuy nhiên không có kết quả. Từ năm 2022 chị M đã nhiều lần nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C, sau đó được Tòa án hòa giải thì chị rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đầu năm 2023 đến nay chị và anh C không còn chung sống với nhau, anh C đi đâu, làm gì thì chị không biết.

Nay chị M xác định cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thạch C.

- **Về con chung:** Chị M và anh C có 01 con chung là Vũ Lan A, sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay cháu Lan A đang ở với chị M. Ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi cháu Vũ Lan A và không yêu cầu anh Vũ Thạch C cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ở, đất nông nghiệp:** Chị M không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Vũ Thạch C có lời khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh C và chị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 27/11/2012. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên sinh sống, đến năm 2016 vợ chồng chuyển ra Hà Nội sinh sống. Năm 2017 do anh C bị bệnh, chị M dần không còn quan hệ tình cảm với anh C, chị M không chung thủy trong hôn nhân, có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, tuy nhiên anh C không có căn cứ gì để chứng minh việc ngoại tình trên của chị M. Đến năm 2021 anh C bán nhà ở Hà Nội và gia đình chuyển về thị trấn T học tập và sinh sống, kể từ đó chị M bỏ nhà và về nhà bố, mẹ đẻ tại xã H, nay là xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang để sinh sống. Đến năm 2022, chị M gửi đơn ra Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để giải quyết ly hôn, tuy nhiên do được hòa giải tại Tòa án nên sau đó chị M lại rút đơn. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng đã ly thân.

Nay chị M làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết ly hôn thì anh C không đồng ý ly hôn vì anh C và chị M chưa thống nhất được với nhau về vấn đề tài sản chung.

- **Về con chung:** Anh và chị M có 01 con chung là Vũ Lan A, sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng chị M. Trường hợp phải ly hôn anh C yêu cầu được nuôi cháu Vũ Lan A và không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ở, đất nông nghiệp:** Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Vũ Thạch C.
- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi con chung là Vũ Lan A, sinh ngày 06/10/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Thạch C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Thạch C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Thạch C có nơi thương trú tại Căn hộ 2402/CT1A chung cư N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, nơi tạm trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết theo quy định xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

[2]. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Thạch C có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 27/11/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của hai bên đều xác định, sau khi kết hôn chị M, anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, về nuôi dạy con và phát triển kinh tế gia đình. Anh C cho rằng chị M không chung thủy trong hôn nhân, có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, tuy nhiên tại những buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, anh C không có căn cứ gì để chứng minh việc ngoại tình trên của chị M. Đến năm 2022, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị M đã dọn về nhà bố mẹ đẻ tại xã H (nay là xã T), huyện H, tỉnh Bắc Giang để sinh sống, sau đó anh C cũng chuyển về tạm trú xã H (nay là xã T), huyện H, tuy nhiên hai vợ chồng thuê nhà ở tổ dân phố số C, thị trấn T, huyện H chung sống. Đầu năm 2023 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên sau đó có hòa giải tuy nhiên không có kết quả. Chị M đã nhiều lần nộp đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C, sau đó được Tòa án hòa giải thì chị rút đơn về đoàn tụ nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện. Chị M, anh C đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Chị M đề nghị ly hôn, anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh C đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh C không đồng ý ly hôn chỉ nhằm kéo dài tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, gây khó khăn cho chị M tạo dựng cuộc sống mới sau ly hôn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị M và anh C1 phù hợp và có căn cứ pháp luật.

- **Về con chung:** Chị M và anh C có 01 con chung là Vũ Lan A, sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay cháu Lan A đang ở với chị M.

Chị M và anh C đều yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại chị M đang nuôi con, quá trình nuôi dưỡng từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay cháu Lan A vẫn được chị M nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường và đang theo học tại Trường trung học cơ sở thị trấn T, huyện H, hơn nữa Tòa án lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 03 tháng 01 năm 2025, cháu Vũ Lan A trình bày sau khi bố mẹ không ở cùng với nhau thì được mẹ chăm sóc chu đáo, cháu xin được ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị M.

Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường và tránh sự sáo trộn cuộc sống của cháu Lan A khi anh C và chị M ly hôn, cần tiếp tục cháu Lan A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh C được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu cấp dưỡng.

Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 – Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức, nhà ở, đất ở, ruộng canh tác:** Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C có đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, anh C không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của anh C.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M không thuộc đối tượng miễn án phí do vậy chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M, anh Vũ Thạch C được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Vũ Thạch C.

2 Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi con chung là Vũ Lan A, sinh ngày 06/10/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Thạch C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Thạch C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 – Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Xác nhận chị M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004365 ngày 04/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS+VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Hanh- Nguyễn Xuân Trương

Nguyễn Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Ngọc Trứ - Nguyễn Xuân Trương****Nguyễn Văn Tuấn****Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
- Lưu: HS+VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Ngọc Trứ - Nguyễn Xuân
Trường

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Văn Tuấn

